

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2022/DS-ST

Ngày: 23-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 304/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; địa chỉ trụ sở: Số W đường N, Phường M, Quận J, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Xuân M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 1985/UQ-QLN.22 ngày 15/9/2022) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm X; địa chỉ: Số D đường Q, Phường L, Quận G, Thành phố H.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP A và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP A (sau đây viết tắt là XYZ) với ông Phạm Văn H có ký kết 01 Hợp đồng thẻ tín dụng (giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng) ngày 10/7/2019. Theo đó,

XYZ đã phát hành thẻ tín dụng và cấp hạn mức tín dụng cho ông Phạm Văn H sử dụng là 70.000.000 đồng, hiệu lực thẻ đến tháng 7/2022. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã không thanh toán đầy đủ cho XYZ theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 21/9/2020, XYZ đã chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn.

Tính đến ngày 27/7/2022 ông H còn nợ XYZ các khoản nợ sau: Nợ gốc: 41.723.704 đồng, nợ lãi quá hạn: 31.993.493, tổng cộng: 73.717.197 đồng.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên XYZ yêu cầu ông H phải thanh toán số nợ trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* **Bị đơn:** Ông Phạm Văn H mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, cụ thể tính đến ngày 23/9/2022 ông H còn nợ XYZ số tiền nợ gốc là 41.723.704 đồng, nợ lãi quá hạn là 33.825.964 đồng. Tổng cộng là 75.549.668 đồng. XYZ yêu cầu cá nhân ông H chịu trách trả số nợ trên cho XYZ làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; không yêu cầu vợ ông H (nếu có) phải chịu trách nhiệm trả.

Bị đơn là ông Phạm Văn H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là XYZ) khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn H trả khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với XYZ, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Căn cứ quy định tại các điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng

Bị đơn là ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 3219197004180 ngày 10/7/2019 có cơ sở để xác định giữa XYZ và ông H có xác lập giao dịch tín dụng, theo đó XYZ đồng ý phát hành thẻ tín dụng cho ông H với hạn mức tín dụng là 70.000.000 đồng, lãi suất được áp dụng theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của XYZ. Việc xác lập giao dịch tín dụng và lãi suất giữa XYZ và ông H là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 97 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo quy định tại Điều 12 của Bảng điều khoản sử dụng ông H phải chịu trách nhiệm đối với mọi vấn đề phát sinh trong trường hợp không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Hợp đồng tài khoản này và các quy định liên quan của XYZ. Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, do đó XYZ khởi kiện yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 23/9/2022 là 75.549.668 đồng, trong đó vốn gốc là 41.723.704 đồng, nợ lãi quá hạn: 33.825.964 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của XYZ buộc ông H phải thanh toán số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 24/9/2022 ông H còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên ghi nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí là 3.777.483đ (Ba triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm tám mươi đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng TMCP A là 1.686.538đ (Một triệu sáu trăm tám mươi sáu triệu ngàn năm trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0048557 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 97 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Phạm Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 75.549.668 (Bảy mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi tám) đồng, trong đó: Nợ gốc là 41.723.704 đồng, nợ, nợ lãi quá hạn: 33.825.964 đồng (tiền lãi tính đến ngày 23/9/2022) theo Giấy đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 3219197004180 ngày 10/7/2019, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 24/9/2022, ông H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn H phải chịu án phí sơ thẩm là 3.777.483đ (Ba triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm tám mươi đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng TMCP A là 1.686.538đ (Một triệu sáu trăm tám mươi sáu triệu ngàn năm trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0048557 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Huệ